



BÁO CÁO KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 04 - NĂM 2021

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI – BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THI TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

CTCP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

MỤC LỤC

1. Tăng trưởng GDP.....	4
2. Lạm phát, CPI.....	6
3. Tiền tệ, lãi suất, tỷ giá, bảo hiểm và chứng khoán.....	7
4. Sản xuất nông, lâm và thủy sản.....	7
5. Sản xuất công nghiệp.....	11
6. Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng.....	12
7. Xuất, nhập khẩu hàng hóa.....	14
8. Đầu tư.....	16
9. Tình hình đăng ký doanh nghiệp.....	17
10. Vận tải hành khách và hàng hóa.....	18
11. Khách nước ngoài đến Việt Nam.....	18

TỔNG QUAN BÁO CÁO

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, nhất là những diễn biến phức tạp và khó lường của dịch COVID-19, tình hình kinh tế-xã hội tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2021 tiếp tục phục hồi và đạt được những kết quả tích cực. Những số liệu về tình hình kinh tế 4 tháng năm 2021 tiếp tục khẳng định những thành quả của việc kiên định mục tiêu kép vừa phòng chống dịch bệnh vừa thúc đẩy phát triển kinh tế.

Kinh tế vĩ mô ổn định, chỉ số giá tiêu dùng 4 tháng tăng 0,89%, mức thấp nhất kể từ năm 2016; các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 4 tháng ước tăng 29,5% so với cùng kỳ năm trước; tiếp tục duy trì xuất siêu, đạt 1,29 tỷ USD.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 4 tăng 24,1%, tính chung 4 tháng, ước tăng 10% so với cùng kỳ năm 2020; trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 12,7%, cao hơn cùng kỳ năm trước, tăng 9,7%. Sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định.

Cu thể với những điểm nhấn đáng chú ý trong tháng 04 năm 2021:

GDP: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2021 ước tính tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 3,68% của quý I/2020. Kết này được xem là đáng khích lệ trong bối cảnh từ cuối tháng Một đến đầu tháng Ba, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tại một số địa phương, ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình kinh tế – xã hội cả nước.

CPI, lạm phát: Giá lương thực, thực phẩm giảm do nguồn cung dồi dào; giá điện, nước sinh hoạt giảm theo nhu cầu tiêu dùng là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2021 giảm 0,04% so với tháng trước, tăng 1,27% so với tháng 12/2020 và tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 4 tháng đầu năm 2021, CPI tăng 0,89% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016.

Tín dụng, lãi suất: Tính đến thời điểm 19/3/2021, tổng phương tiện thanh toán tăng 1,49% so với cuối năm 2020 (cùng thời điểm năm trước tăng 1,55%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 0,54% (cùng thời điểm năm 2020 tăng 0,51%); tín dụng của nền kinh tế tăng 1,47% (cùng thời điểm năm 2020 tăng 0,68%).

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP): Sản xuất công nghiệp tháng 4/2021 tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước khi dịch Covid-19 được kiểm soát tốt, đồng thời các Hiệp định thương mại tự do phát huy hiệu quả nên hoạt động sản xuất kinh doanh sôi động trở lại. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 10% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 12,7%.

Cán cân thương mại: Hoạt động giao thương diễn ra sôi động trong 4 tháng đầu năm bất chấp diễn biến dịch Covid trên thế giới vẫn đang diễn ra phức tạp. Xuất, nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm trước đạt tốc độ tăng trưởng cực kỳ ấn tượng và cao nhất trong vòng 10 năm qua. Tháng Tư ước tính nhập siêu 1,5 tỷ USD. Ước tính 4 tháng đầu năm 2021 xuất siêu 1,29 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 9,92 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 11,21 tỷ USD.

Vốn FDI: Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/4/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 12,25 tỷ USD, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm trước.



Đăng ký doanh nghiệp: Trong tháng 4/2021, cả nước có gần 14,9 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 179,9 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký 94,6 nghìn người, tăng 33,1% về số doanh nghiệp, tăng 59,1% về vốn đăng ký và tăng 30% về số lao động so với tháng 03/2021. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 12,1 tỷ đồng, tăng 19,6% so với tháng trước và tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng mức bán lẻ & du lịch: Hoạt động thương mại trong nước tháng 4 năm 2021 tăng so với cùng kỳ năm trước do tháng 4/2020 thực hiện giãn cách toàn xã hội theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ nên hoạt động mua sắm hàng hóa, chi tiêu của người tiêu dùng giảm mạnh, nhiều cơ sở lưu trú, ăn uống, lễ hành phải tạm đóng cửa. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Tư ước tính đạt 409,4 nghìn tỷ đồng, tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 30,9% so với cùng kỳ năm trước.

Vận tải hành khách và hàng hóa: Vận tải hành khách tháng 4/2021 ước tính đạt 294,5 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 4,9% so với tháng trước và luân chuyển 13,5 tỷ lượt khách.km, tăng 11,9%. Vận tải hàng hóa tháng 4/2021 ước tính đạt 153,7 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 6,1% so với tháng trước và luân chuyển 30,3 tỷ tấn.km, tăng 5,2%.

Khách quốc tế: Khách quốc tế đến nước ta trong tháng 4/2021 ước tính đạt 19,5 nghìn lượt người, tăng 0,3% so với tháng trước và giảm 25,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 67,6 nghìn lượt người, giảm 98,2% so với cùng kỳ năm trước.

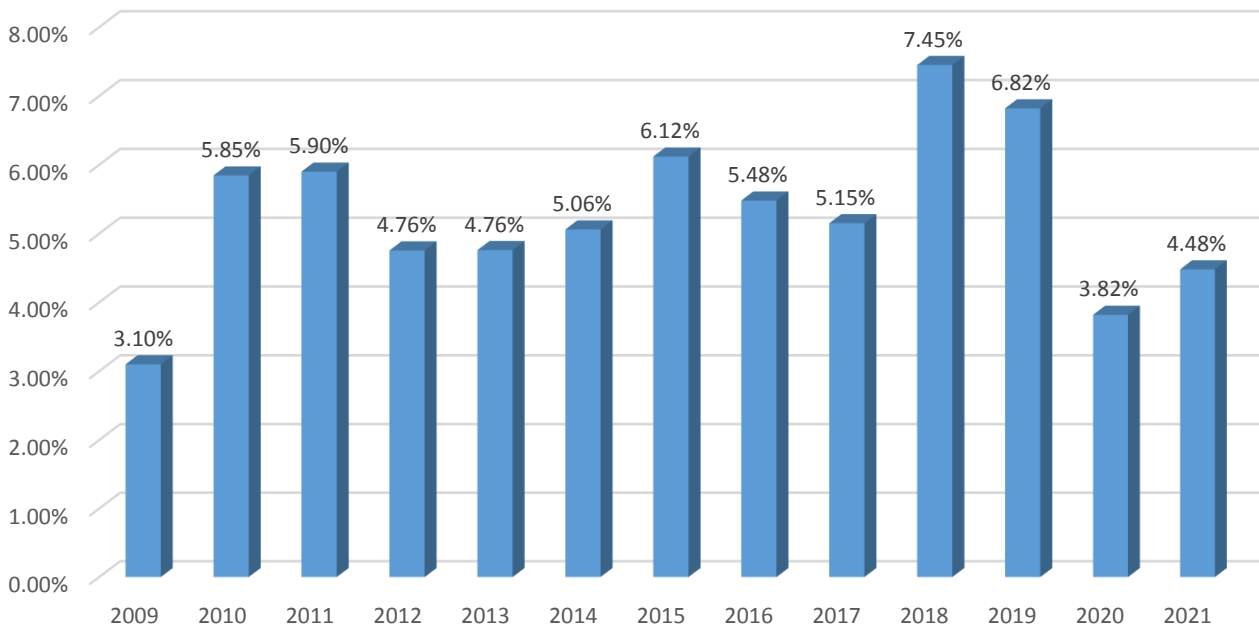
BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 04 - NĂM 2021

Biến động các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô 04 tháng đầu năm 2021

1. Tăng trưởng GDP.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2021 ước tính tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 3,68% của quý I/2020. Kết này được xem là đáng khích lệ trong bối cảnh từ cuối tháng Một đến đầu tháng Ba, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tại một số địa phương, ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình kinh tế – xã hội cả nước.

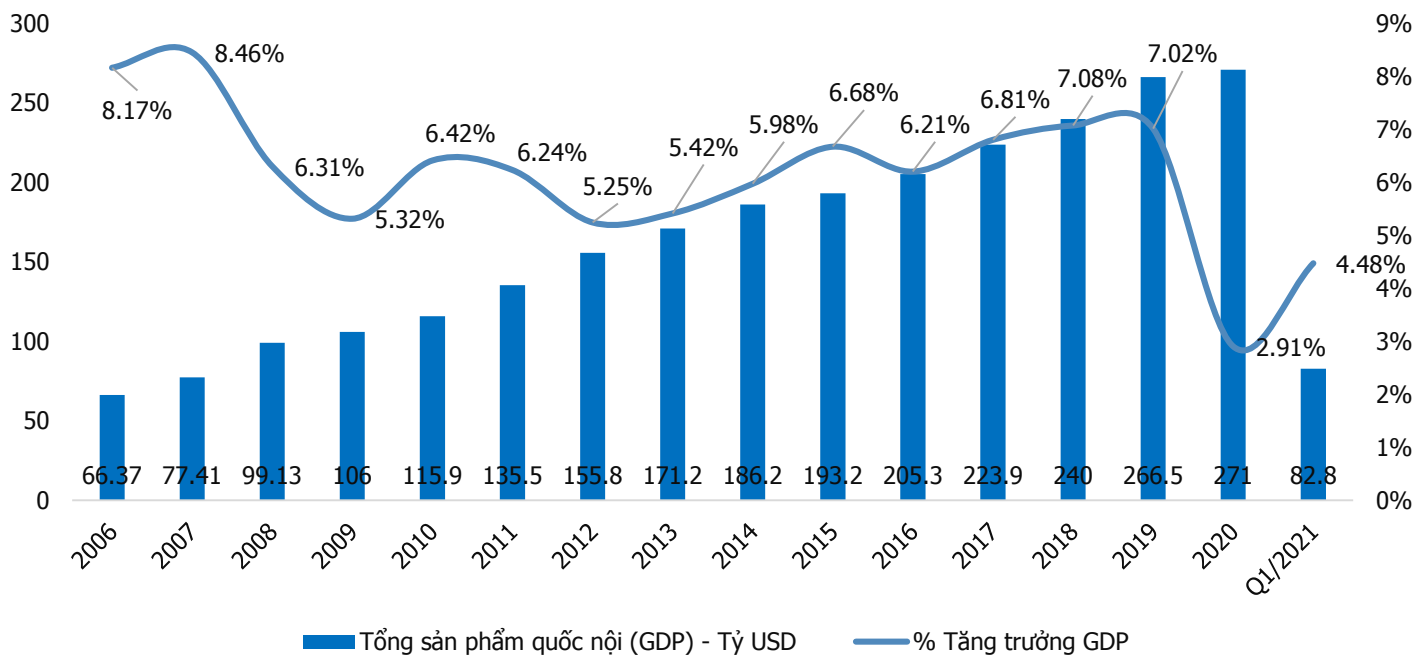
% Tăng trưởng GDP - Q1 giai đoạn 2009 - 2021



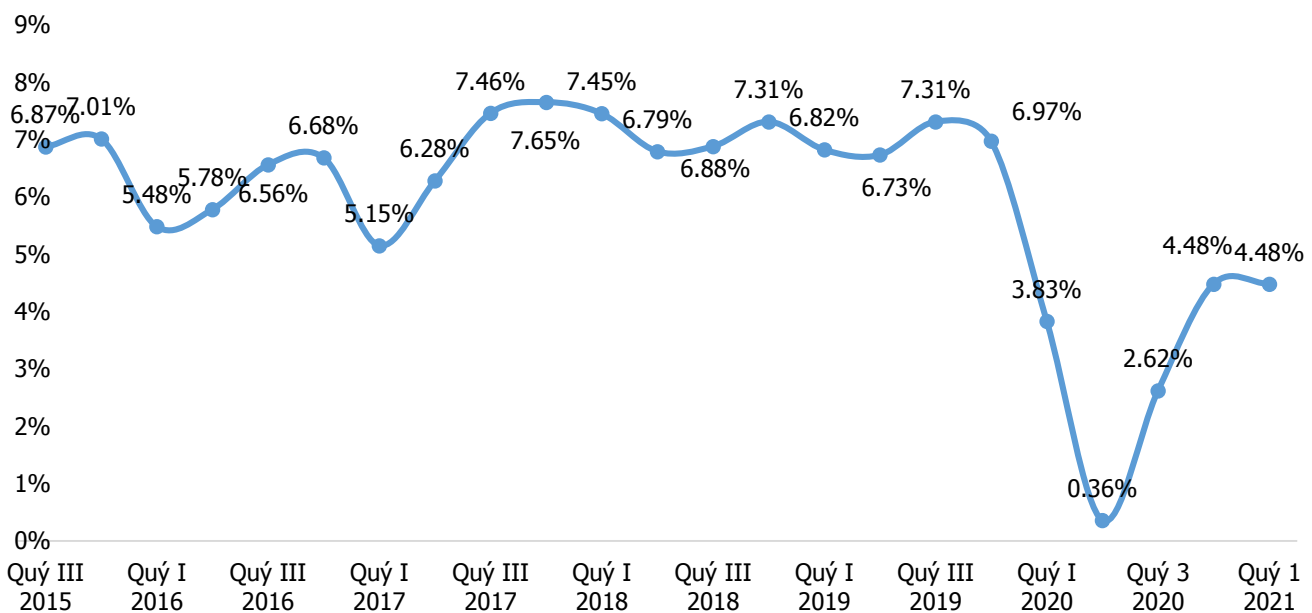
Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,16%, đóng góp 8,34% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,3%, đóng góp 55,96%; khu vực dịch vụ tăng 3,34%, đóng góp 35,70%.



Tăng trưởng GDP & Tổng sản phẩm quốc nội GDP (Tỷ USD)

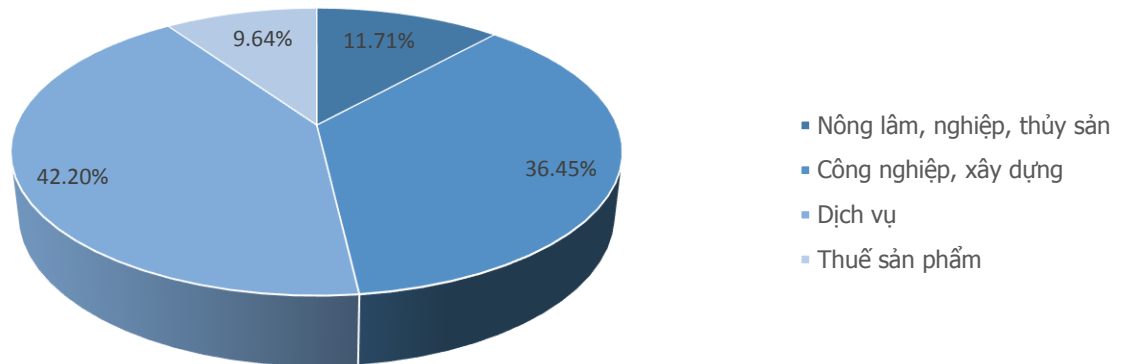


% GDP hàng quý



Về cơ cấu nền kinh tế quý I/2021, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,71%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 36,45%; khu vực dịch vụ chiếm 42,20%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,64% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2020 là 11,66%; 35,86%; 42,82%; 9,66%).

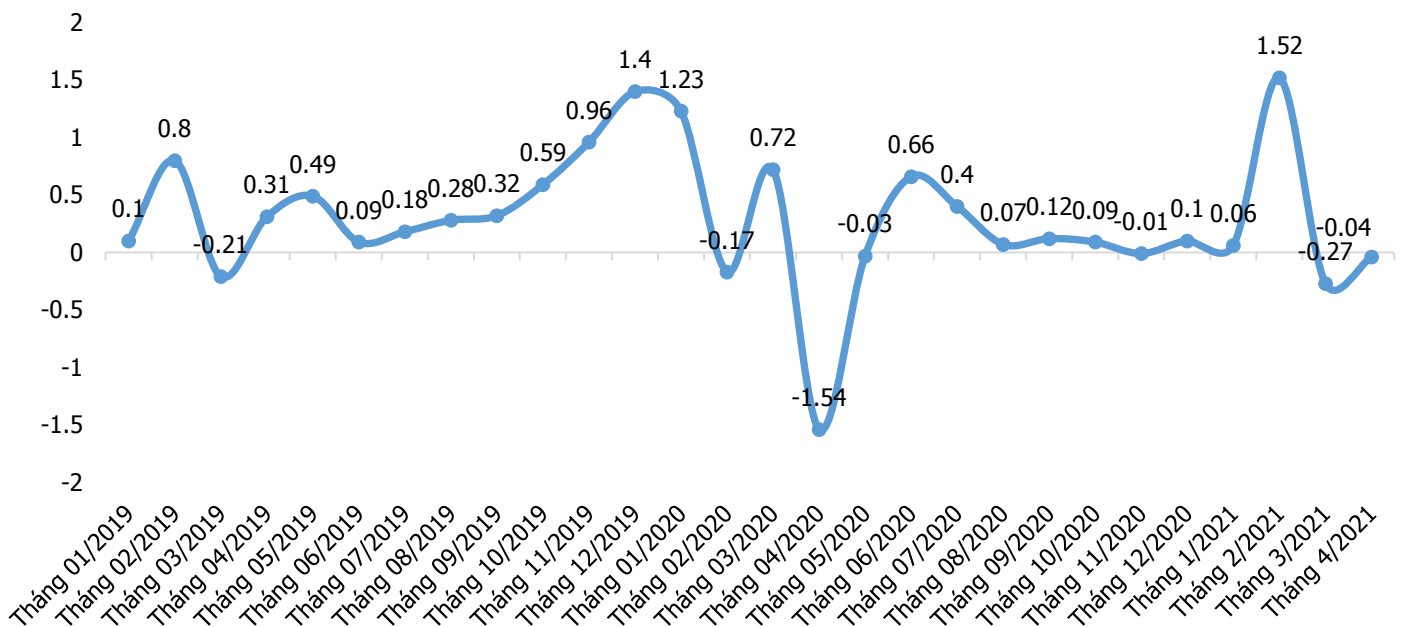
Cơ cấu tỷ trọng GDP quý 1 năm 2021



2. Lạm phát, CPI.

Giá lương thực, thực phẩm giảm do nguồn cung dồi dào; giá điện, nước sinh hoạt giảm theo nhu cầu tiêu dùng là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2021 giảm 0,04% so với tháng trước, tăng 1,27% so với tháng 12/2020 và tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 4 tháng đầu năm 2021, CPI tăng 0,89% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016.

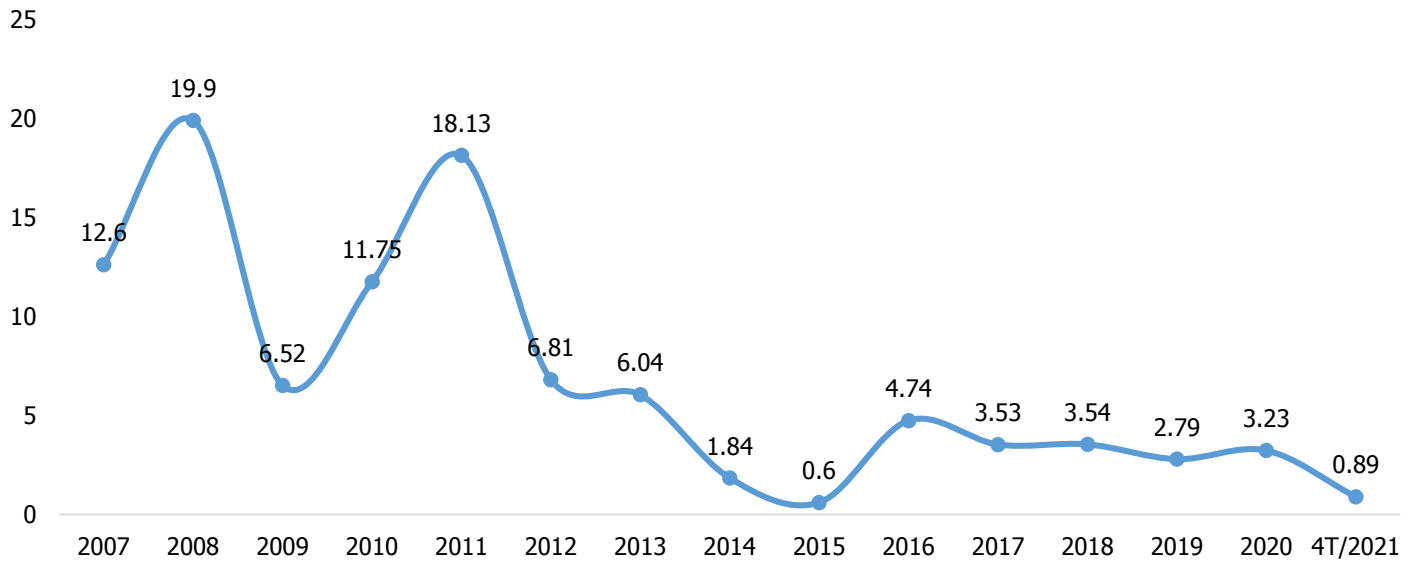
Chỉ Số Giá Tiêu Dùng theo Tháng(Mom, %)



Lạm phát cơ bản tháng 4/2021 tăng 0,07% so với tháng trước và tăng 0,95% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 4 tháng đầu năm nay tăng 0,74% so với bình quân cùng kỳ năm 2020.



% CPI theo Năm (Yoy)



Giá vàng trong nước biến động ngược chiều với giá vàng thế giới. Chỉ số giá vàng tháng 4/2021 giảm 1,9% so với tháng trước; giảm 2,51% so với tháng 12/2020 và tăng 13,84% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 4/2021 tăng 0,29% so với tháng trước; tăng 0,18% so với tháng 12/2020 và giảm 1,35% so với cùng kỳ năm trước.

3. Tiền tệ, lãi suất, tỷ giá, bảo hiểm và chứng khoán.

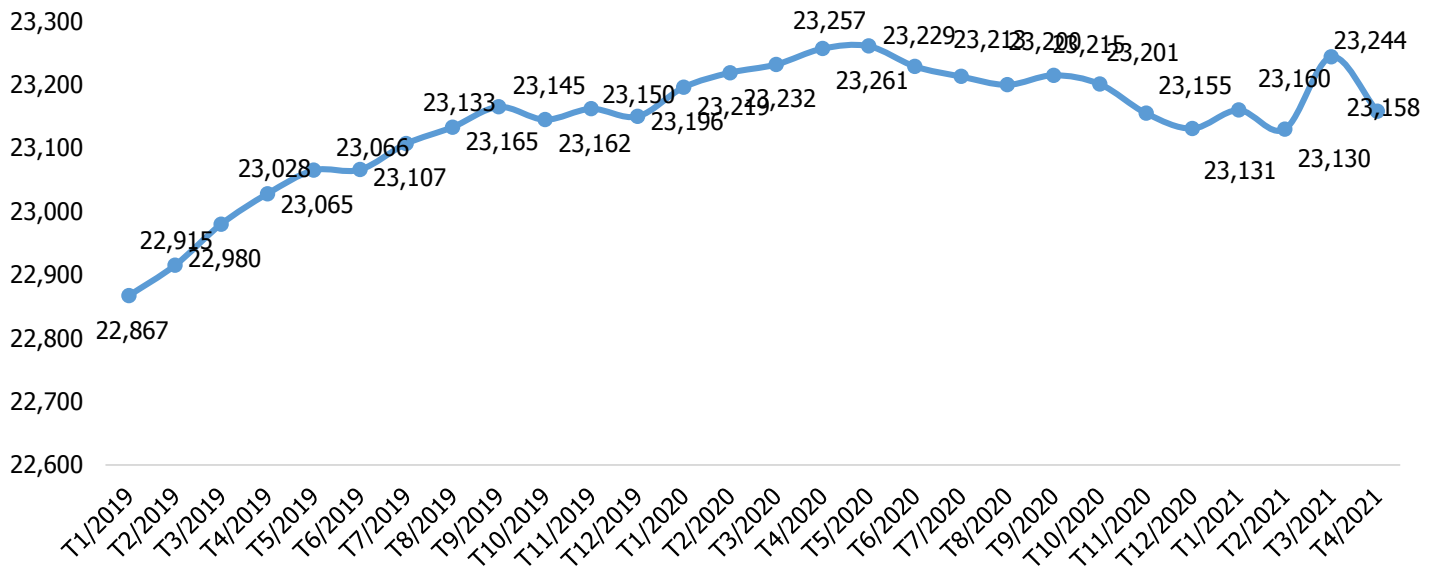
Dịch Covid-19 được khoanh vùng và kiểm soát, hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại trạng thái bình thường làm nhu cầu tín dụng của nền kinh tế tăng; thị trường bảo hiểm duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định; thị trường chứng khoán tăng trưởng khá với tổng mức huy động vốn cho nền kinh tế quý I/2021 tăng 42% so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ giá trung tâm được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.158 đồng/USD trong ngày làm việc cuối cùng tháng 4 (29/04/2021), giảm 86 đồng so thời điểm cuối tháng 3/2021, tương ứng với mức giảm 0,37%.

Giá USD giao dịch tự do niêm yết ở mức 23.054 VND/USD trong ngày 29/04/2021, giảm 20 đồng so với tháng trước, tương ứng với mức giảm 0,09%.

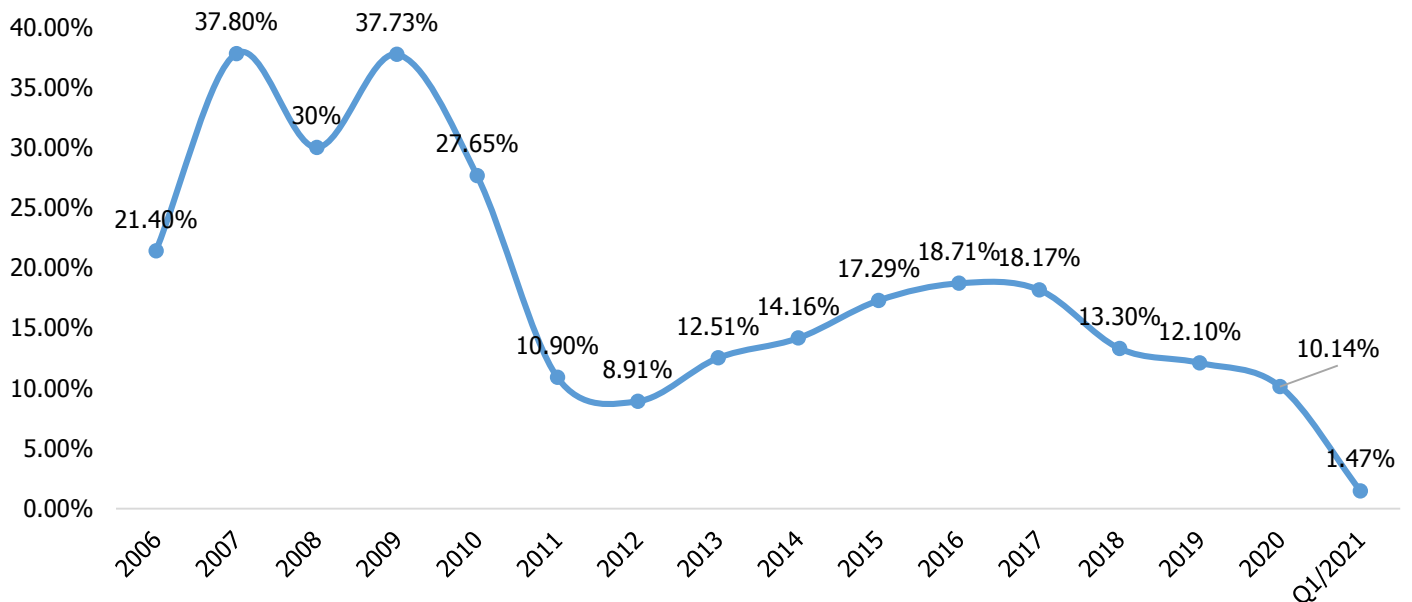


Tỷ Giá Trung Tâm NHNN USD/VND



Tính đến thời điểm 19/3/2021, tổng phương tiện thanh toán tăng 1,49% so với cuối năm 2020 (cùng thời điểm năm trước tăng 1,55%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 0,54% (cùng thời điểm năm 2020 tăng 0,51%); tín dụng của nền kinh tế tăng 1,47% (cùng thời điểm năm 2020 tăng 0,68%).

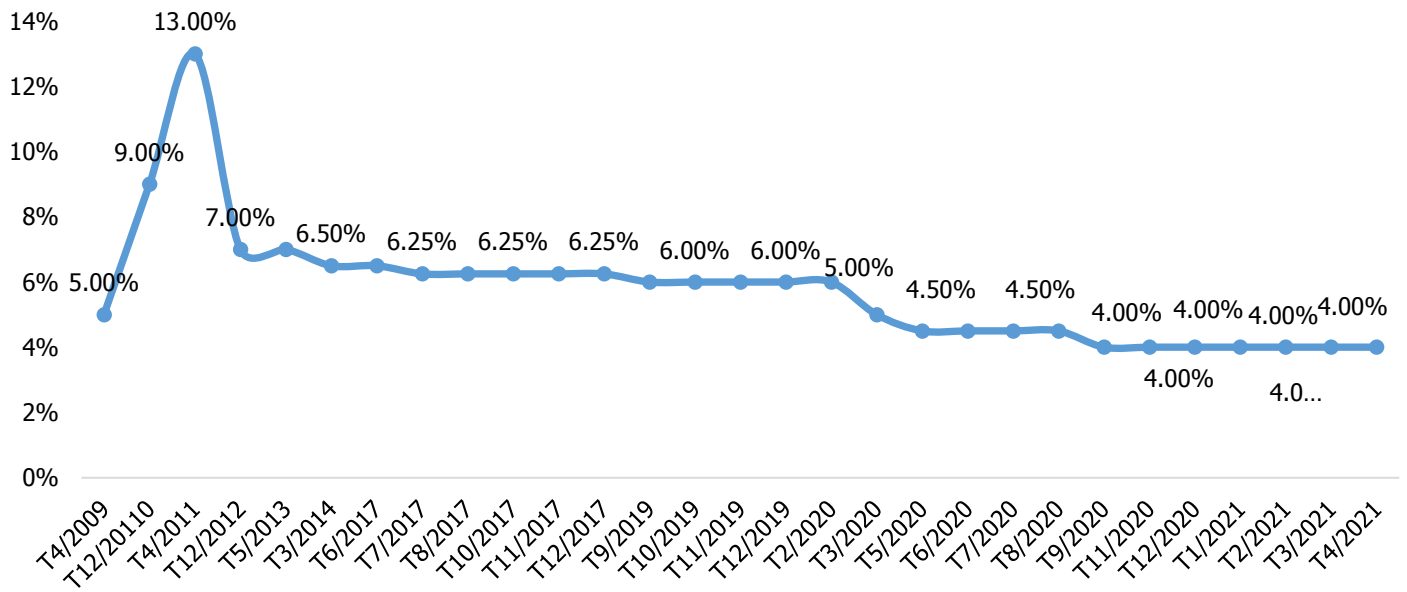
Tăng trưởng tín dụng (%)



Hoạt động kinh doanh bảo hiểm quý I/2021 ước tính tăng 9% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ tăng 6% và doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ tăng 11%.

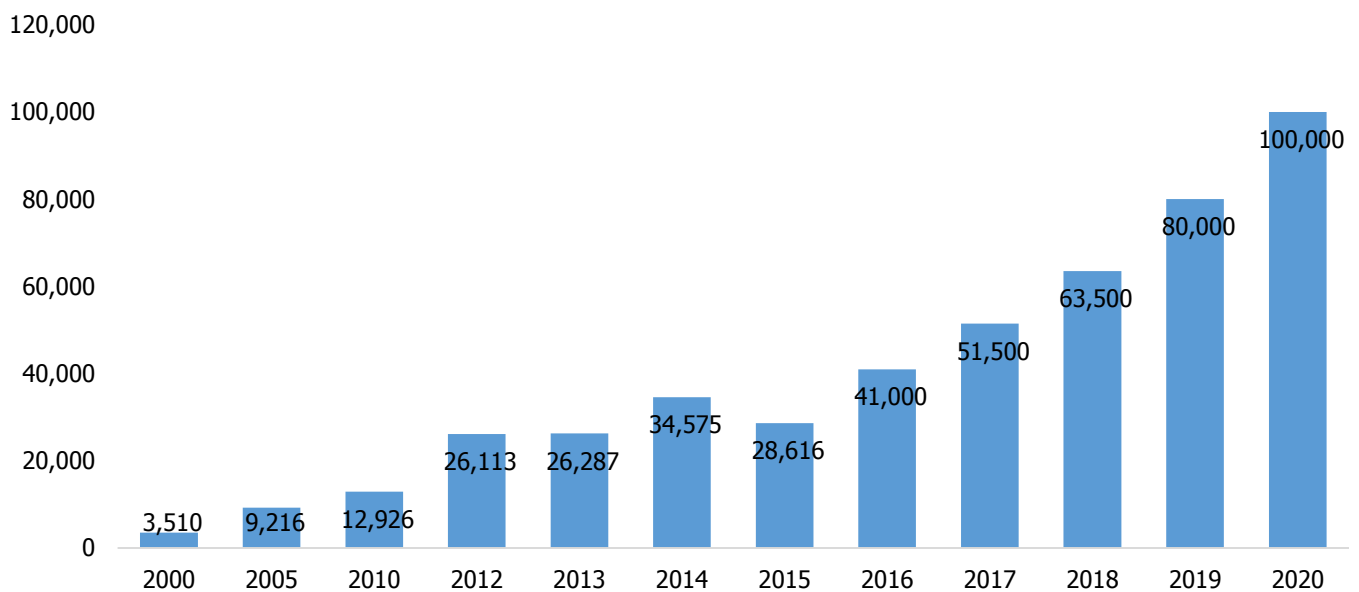


Lãi Suất Tái Cấp Vốn



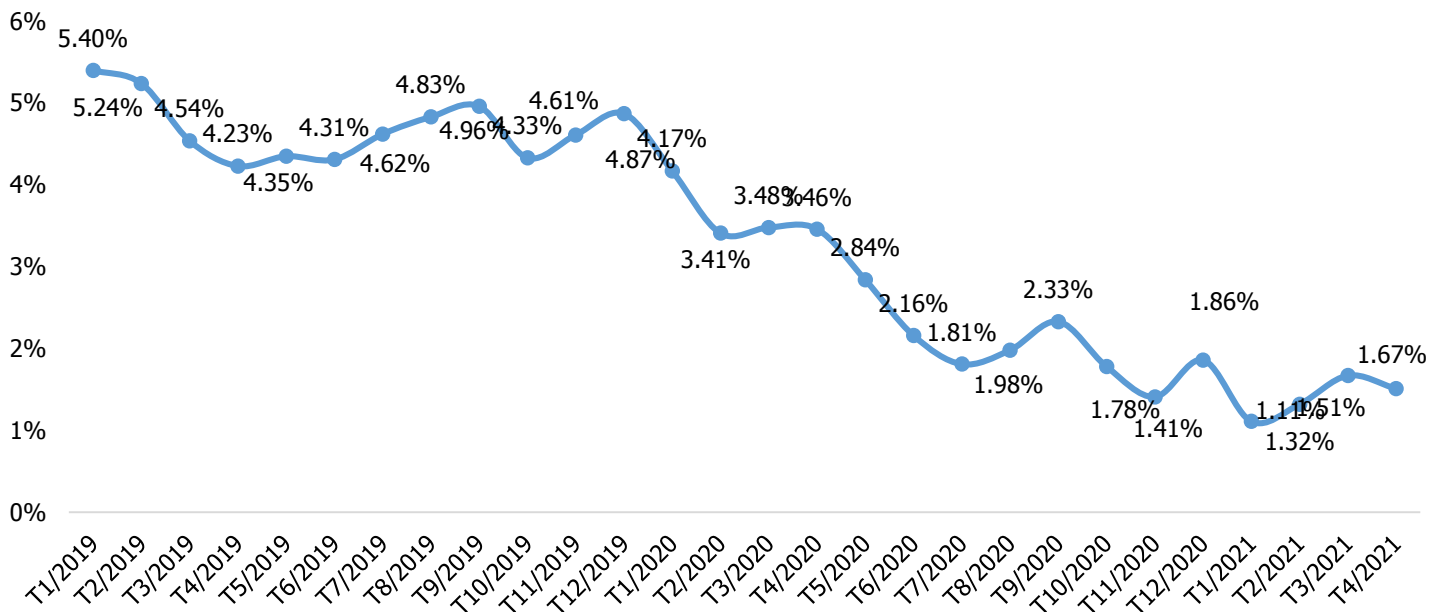
Năm 2020 Việt Nam đã mua lượng lớn ngoại tệ để tăng dự trữ ngoại hối, nhưng NHNN đã điều tiết tốt lượng tiền trong lưu thông, không gây tác động lên lạm phát. Việc điều hành chính sách tiền tệ được thực hiện rất nhất quán và giữ được nền tảng ổn định cho nền kinh tế.

Dự Trữ Ngoại Hối (Triệu USD)





Lãi Suất Liên Ngân Hàng 3 tháng



Tiếp nối đà tăng trong quý 1, chỉ số VN-Index có tháng thứ 3 tăng điểm liên tiếp. Mức tăng đạt 47,95 điểm (+4,02%) trong tháng 4, đưa chỉ số VN-Index lên mốc 1.239,39 điểm. Ngược lại, diễn biến trên sàn HNX kém tích cực hơn khi chỉ số HNX-Index giảm nhẹ 4,92 điểm (-1,72%) xuống mốc 281,75 điểm.

Việc sàn HOSE xử lý được một số vấn đề kỹ thuật làm giảm tải hệ thống đã giúp cho dòng tiền đổ vào thị trường tăng đột biến. Thanh khoản giao dịch trên HSX ghi nhận mức cao nhất lịch sử với giá trị giao dịch bình quân 18.806 tỷ mỗi phiên, cao hơn 19,01% so với tháng trước đó.

4. Sản xuất nông, lâm và thủy sản.

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 4/2021 diễn ra trong điều kiện thời tiết thuận lợi cho cây trồng, vật nuôi sinh trưởng và phát triển. Các địa phương phía Bắc tập trung chăm sóc cây trồng vụ đông xuân; tại các địa phương phía Nam tập trung thu hoạch lúa, hoa màu vụ đông xuân và gieo trồng lúa hè thu. Chăn nuôi gia cầm phát triển tốt, chăn nuôi lợn đang đà hồi phục. Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản được khơi thông, mở rộng.

Nông nghiệp:

Tính đến ngày 15/4, cả nước gieo cấy được 3.001,1 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 99,2% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc gieo cấy 1.082,6 nghìn ha, bằng 98,6%; các địa phương phía Nam gieo cấy 1.918,5 nghìn ha, bằng 99,6%. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long diện tích gieo cấy lúa đông xuân năm nay đạt 1.519,7 nghìn ha, giảm 26,7 nghìn ha so với vụ đông xuân năm trước.

Hiện nay, dịch lở mồm long móng, đặc biệt là dịch viêm da nổi cục ở trâu bò đang diễn biến phức tạp tại một số địa phương vì khả năng lây lan bệnh nhanh. Ước tính tháng Tư, tổng số bò tăng 1% so với cùng thời điểm năm 2020; tổng số lợn tăng 11,1%; tổng số trâu giảm 2,4%; tổng số gia cầm tăng 7,4%.

Lâm Nghiệp:

Tháng 4 năm 2021, diện tích rừng trồng mới tập trung của cả nước ước tính đạt 28,8 nghìn ha, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm, diện tích rừng trồng mới tập trung cả nước đạt 62



nghìn ha, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 35 triệu cây, tăng 2,8%; sản lượng gỗ khai thác đạt 4.159,9 nghìn m³, tăng 4,9%; sản lượng củi khai thác đạt 6 triệu ste, bằng cùng kỳ năm trước.

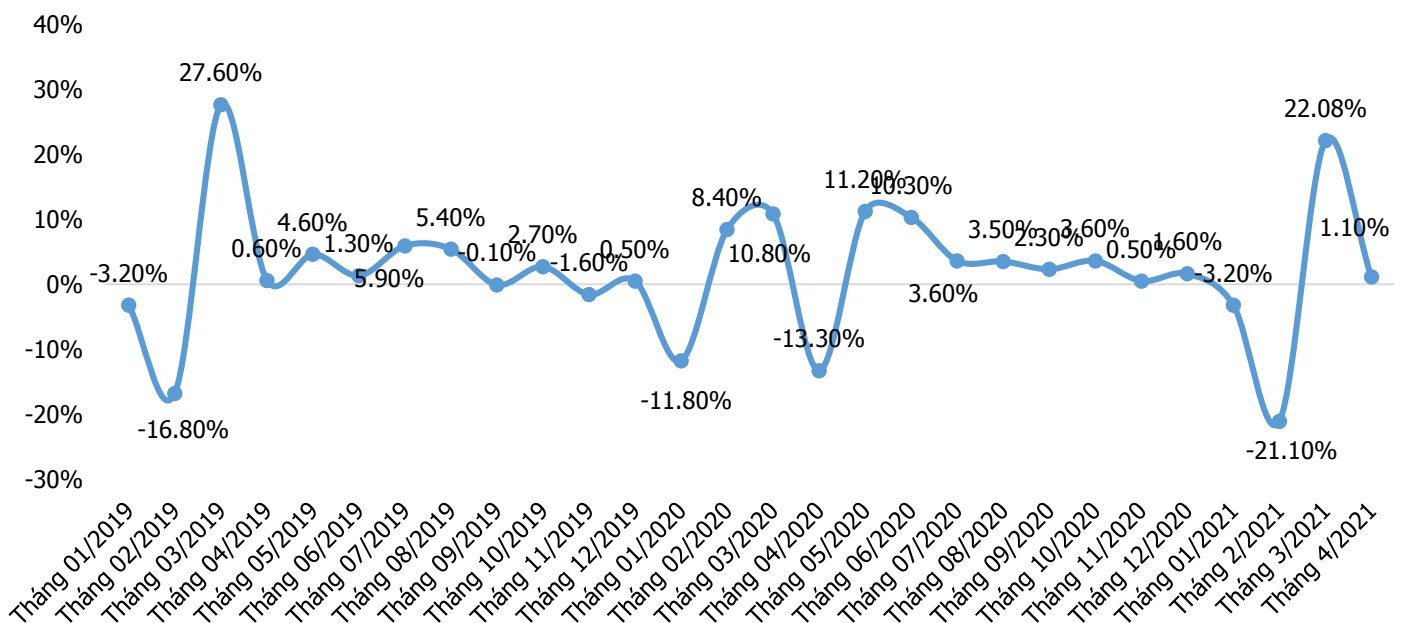
Thủy sản:

Sản lượng thủy sản tháng Tư ước tính đạt 687,2 nghìn tấn, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 329,6 nghìn tấn, tăng 1,9%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 357,7 nghìn tấn, tăng 2,2%. Tính chung 4 tháng đầu năm, sản lượng thủy sản ước tính đạt 2.484,9 nghìn tấn, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 1.269,9 nghìn tấn, tăng 2,8%; sản lượng khai thác đạt 1.215,1 nghìn tấn, tăng 1,4% (sản lượng khai thác biển đạt 1.160,4 nghìn tấn, tăng 1,4%).

5. Sản xuất công nghiệp.

Sản xuất công nghiệp tháng 4/2021 tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước khi dịch Covid-19 được kiểm soát tốt, đồng thời các Hiệp định thương mại tự do phát huy hiệu quả nên hoạt động sản xuất kinh doanh sôi động trở lại. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 10% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 12,7%.

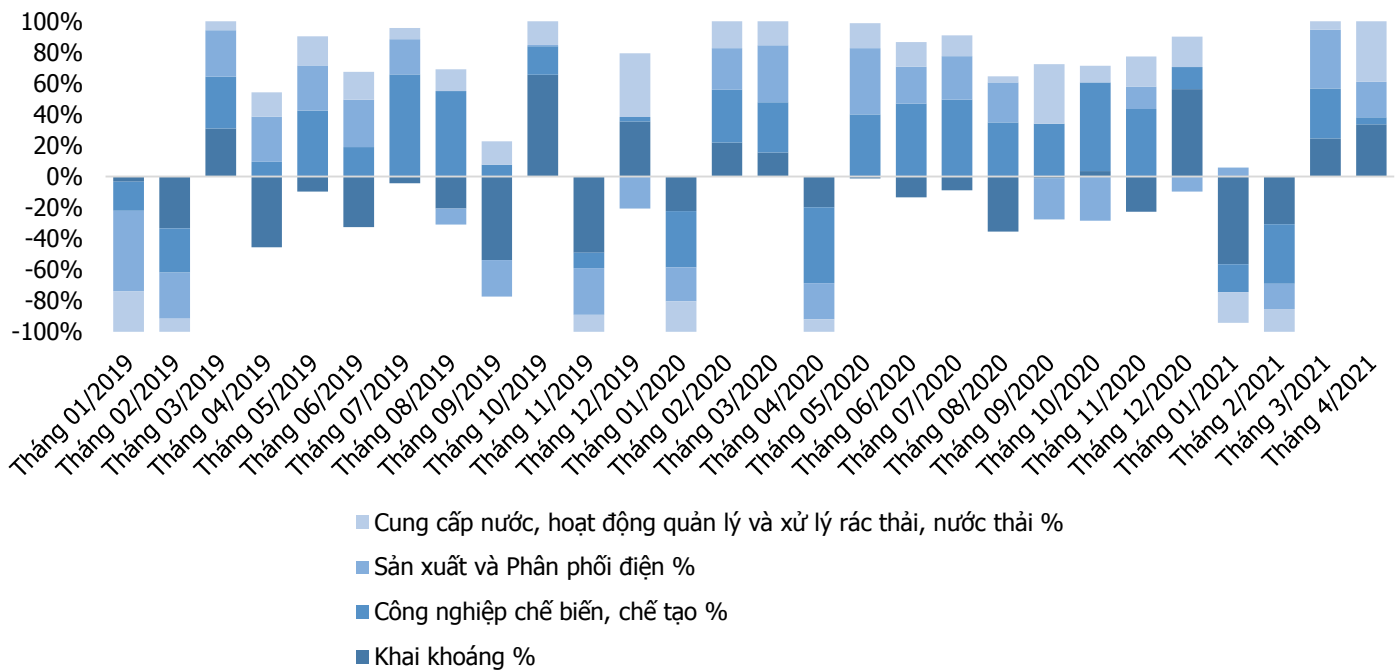
Tăng trưởng % toàn ngành công nghiệp theo tháng (Mom)



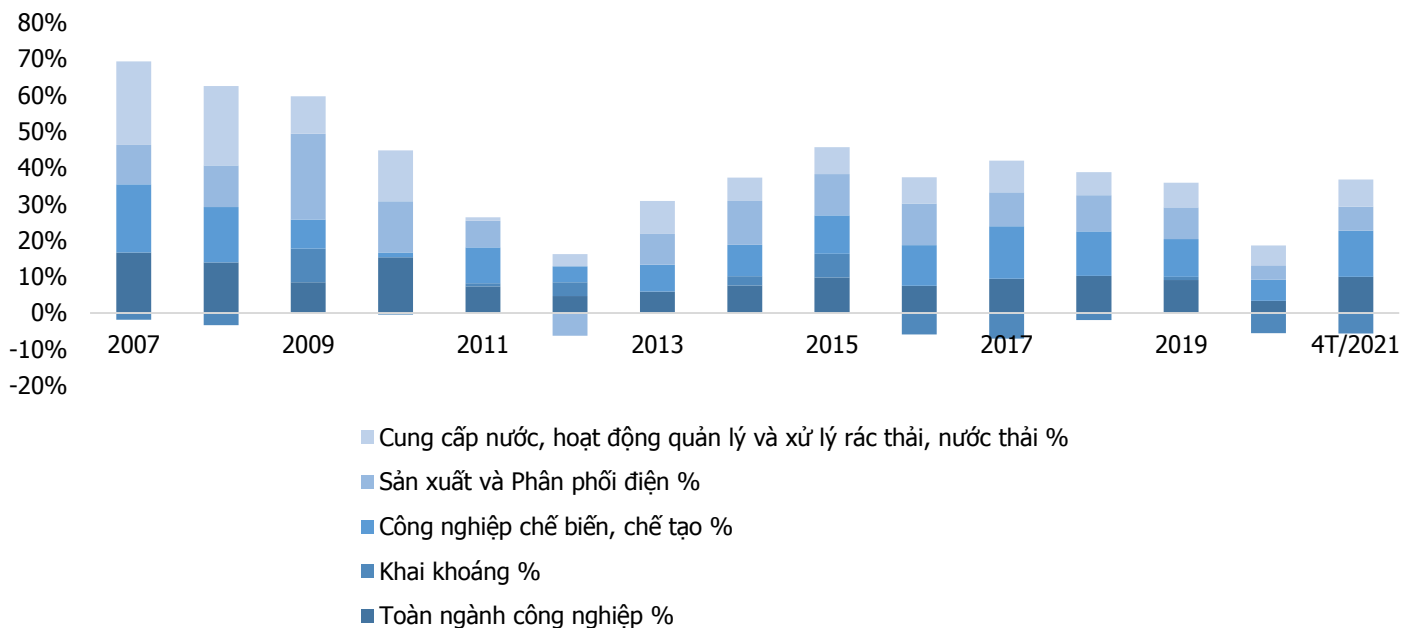
Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 4/2021 ước tính tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 24,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng tăng 3,8% và tăng 1,8%; ngành chế biến, chế tạo tăng 0,5% và tăng 29,1%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 2,6% và tăng 16,4%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,4% và tăng 11,1%.



Chỉ Số Sản Xuất Công Nghiệp (Mom)



Chỉ số công nghiệp theo năm (Yoy)



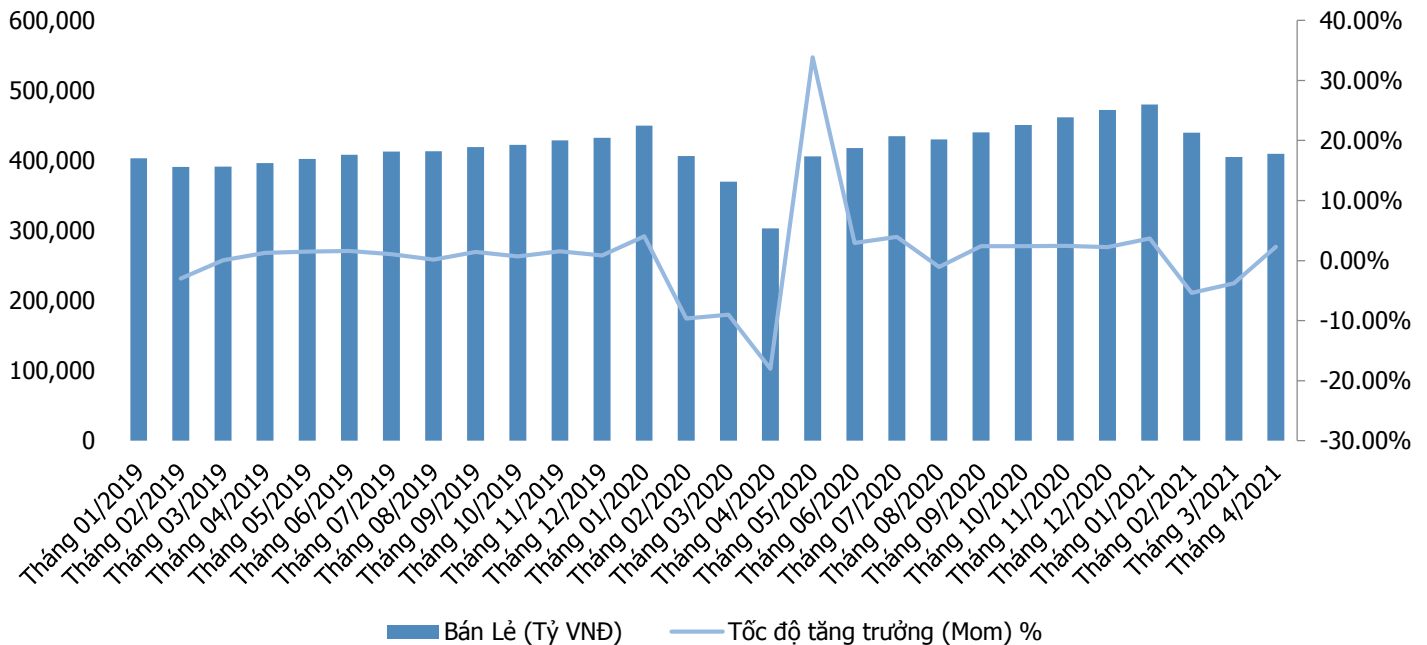
Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, IIP ước tính tăng 10% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 12,7%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,6%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,5%; riêng ngành khai khoáng giảm 5,7%.

6. Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng.



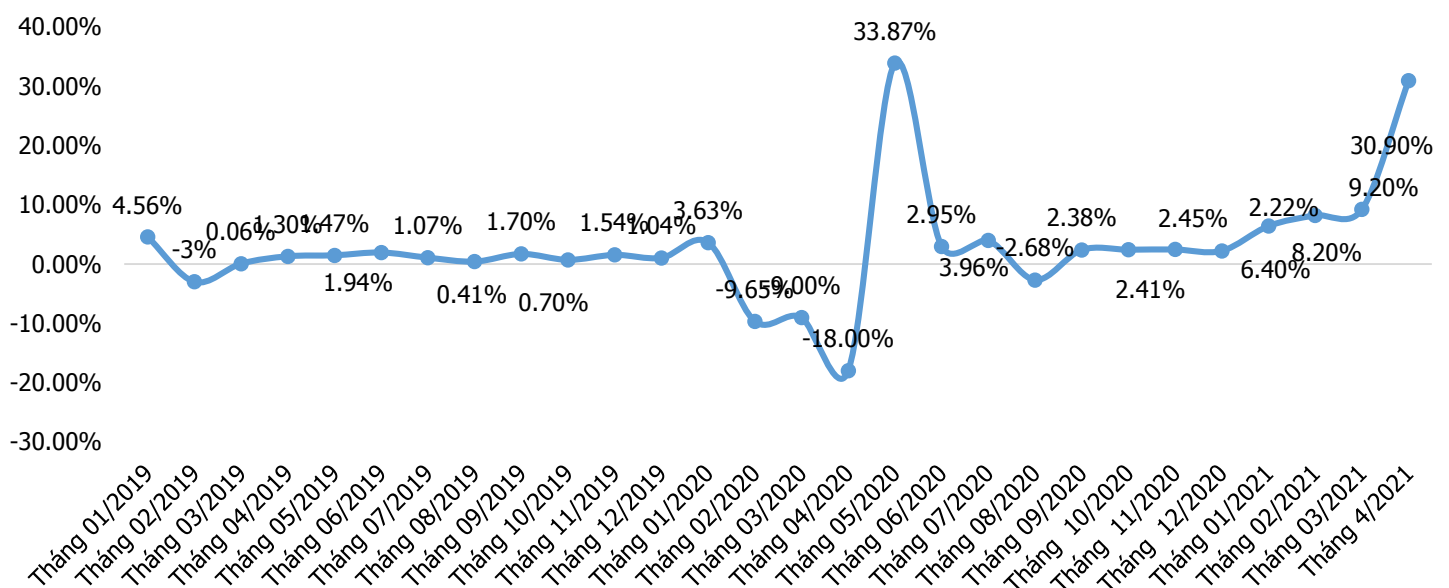
Hoạt động thương mại trong nước tháng 4 năm 2021 tăng so với cùng kỳ năm trước do tháng 4/2020 thực hiện giãn cách toàn xã hội theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ nên hoạt động mua sắm hàng hóa, chi tiêu của người tiêu dùng giảm mạnh, nhiều cơ sở lưu trú, ăn uống, lễ hành phải tạm đóng cửa.

Doanh số bán lẻ hàng tháng



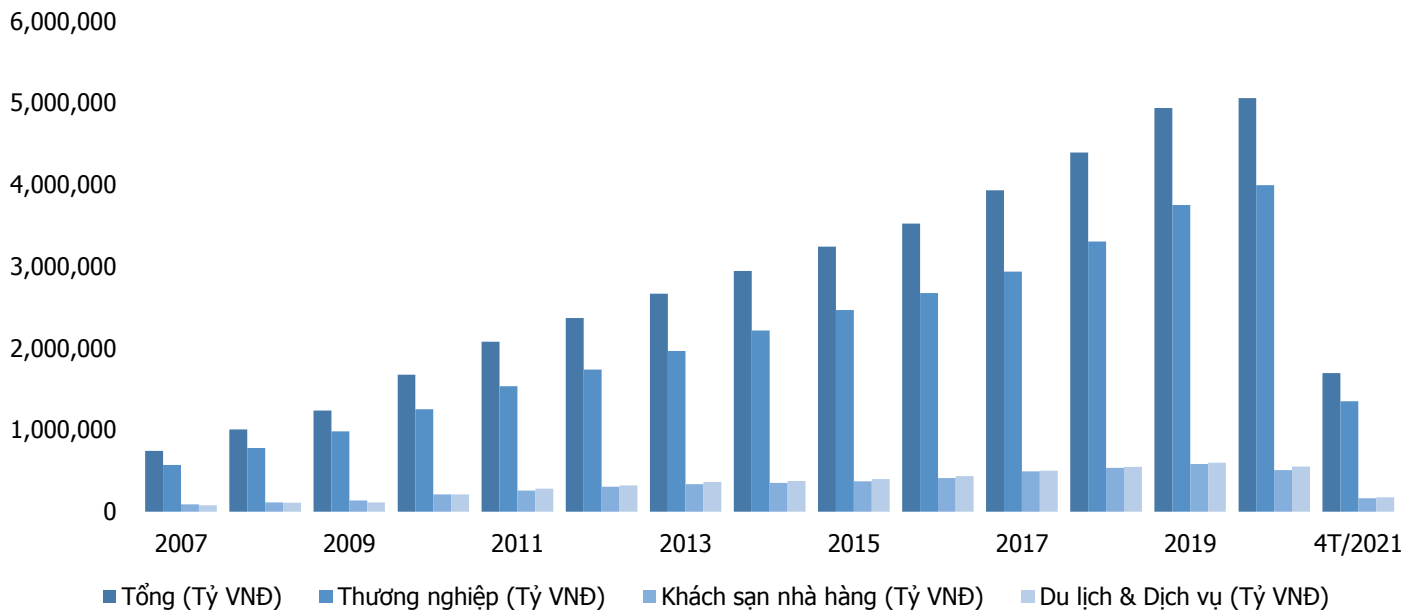
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Tư ước tính đạt 409,4 nghìn tỷ đồng, tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 30,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 1.695,6 nghìn tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 giảm 2,8%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9,03% (cùng kỳ năm 2020 giảm 7,76%).

Tốc độ tăng trưởng % hàng tháng (Yoy)





Bán lẻ Theo năm



7. Xuất, nhập khẩu hàng hóa.

Hoạt động giao thương diễn ra sôi động trong 4 tháng đầu năm bất chấp diễn biến dịch Covid trên thế giới vẫn đang diễn ra phức tạp. Xuất, nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm trước đạt tốc độ tăng trưởng cực kỳ ấn tượng và cao nhất trong vòng 10 năm qua.

Xuất khẩu hàng hóa:

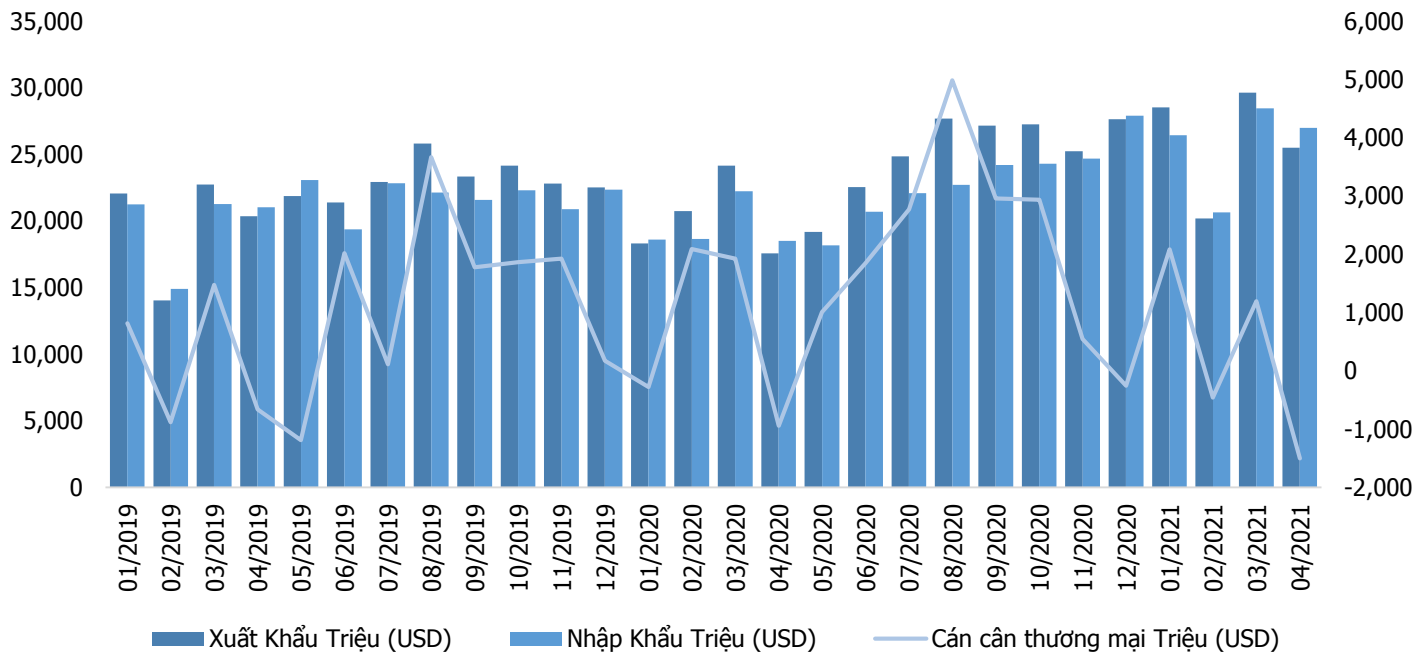
Ước tính tháng 4/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 25,5 tỷ USD, giảm 14% so với tháng trước và tăng 44,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 103,9 tỷ USD, tăng 28,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 25,76 tỷ USD, tăng 12,8%, chiếm 24,8% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 78,14 tỷ USD, tăng 34,4%, chiếm 75,2%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2021, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản ước tính đạt 57,58 tỷ USD, tăng 33% so với cùng kỳ năm trước. Nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp ước tính đạt 36,6 tỷ USD, tăng 27,5%. Nhóm hàng nông, lâm sản đạt 7,33 tỷ USD, tăng 8,8%. Nhóm hàng thủy sản đạt 2,39 tỷ USD, tăng 6,1%.

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa 4 tháng đầu năm 2021, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 30,3 tỷ USD, tăng 50,1% so với cùng kỳ năm trước; tiếp đến là Trung Quốc đạt 16,8 tỷ USD, tăng 32,4%; thị trường EU đạt 12,6 tỷ USD, tăng 18,1%; thị trường ASEAN đạt 8,8 tỷ USD, tăng 13,3%; Hàn Quốc đạt 6,9 tỷ USD, tăng 12,1%; Nhật Bản đạt 6,5 tỷ USD, tăng 1,5%.



Xuất Nhập Khẩu - Cán Cân Thương Mại (Theo Tháng)



Nhập khẩu hàng hóa:

Ước tính tháng 4/2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 27 tỷ USD, giảm 5,1% so với tháng trước và tăng 43,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 102,61 tỷ USD, tăng 30,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 35,69 tỷ USD, tăng 24,8% khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 66,92 tỷ USD, tăng 34,2%.

Về cơ cấu nhập khẩu hàng hóa 4 tháng đầu năm 2021, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 96,31 tỷ USD, tăng 31,4% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 93,9% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa. Nhóm hàng tiêu dùng ước tính đạt 6,3 tỷ USD, tăng 22,5% và chiếm 6,1%.

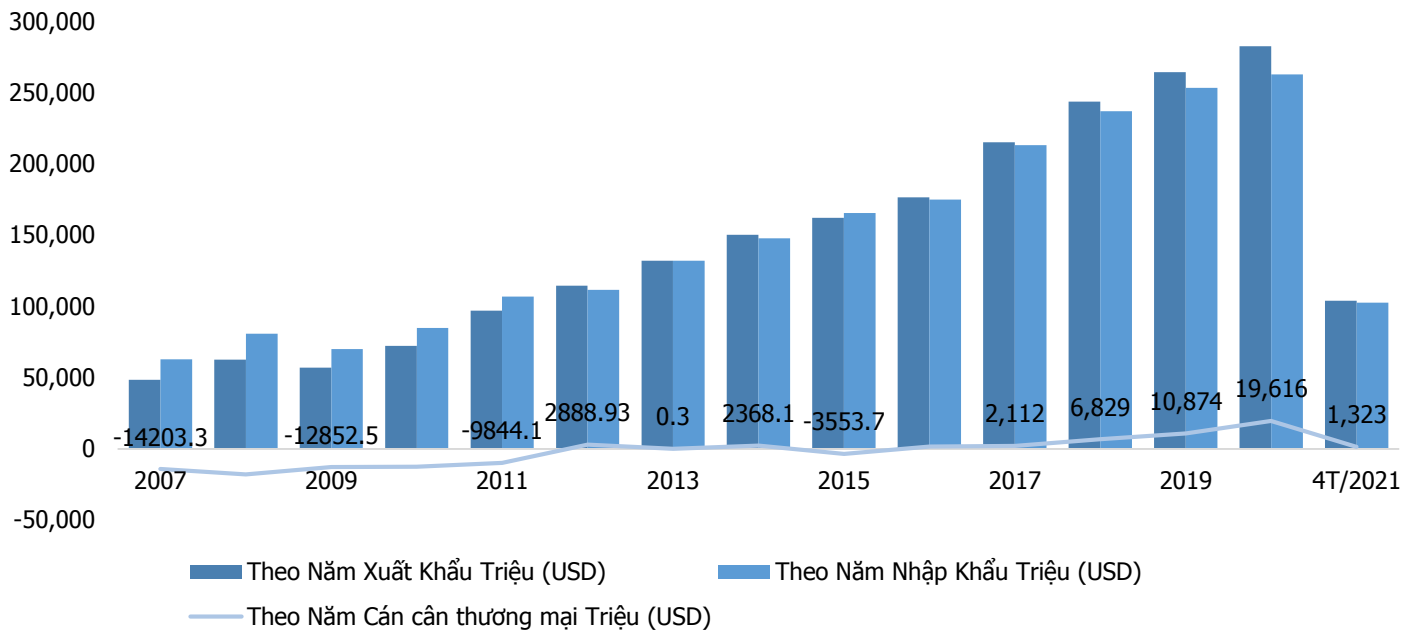
Về thị trường nhập khẩu hàng hóa 4 tháng đầu năm nay, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 33,1 tỷ USD, tăng 47,8% so với cùng kỳ năm trước; tiếp theo là Hàn Quốc đạt 16,9 tỷ USD, tăng 16,9%; thị trường ASEAN đạt 14,1 tỷ USD, tăng 48,2%; Nhật Bản đạt 7,2 tỷ USD, tăng 10,5%; thị trường EU đạt 5,3 tỷ USD, tăng 16,6%; Hoa Kỳ đạt 5,1 tỷ USD, tăng 7,9%.

Cán cân thương mại:

Tháng Tư ước tính nhập siêu 1,5 tỷ USD. Ước tính 4 tháng đầu năm 2021 xuất siêu 1,29 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 9,92 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 11,21 tỷ USD.



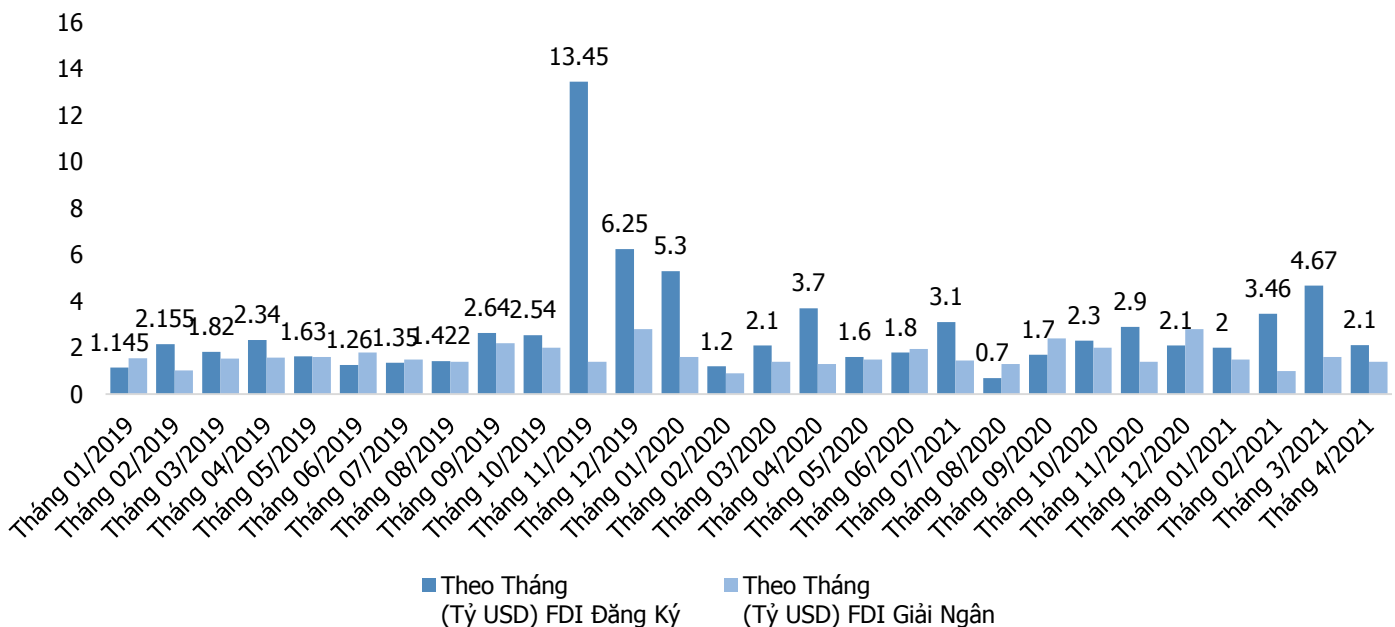
Xuất nhập khẩu - Cán cân thương mại



8. Vốn đầu tư nước ngoài.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/4/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 12,25 tỷ USD, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm trước.

FDI Tháng

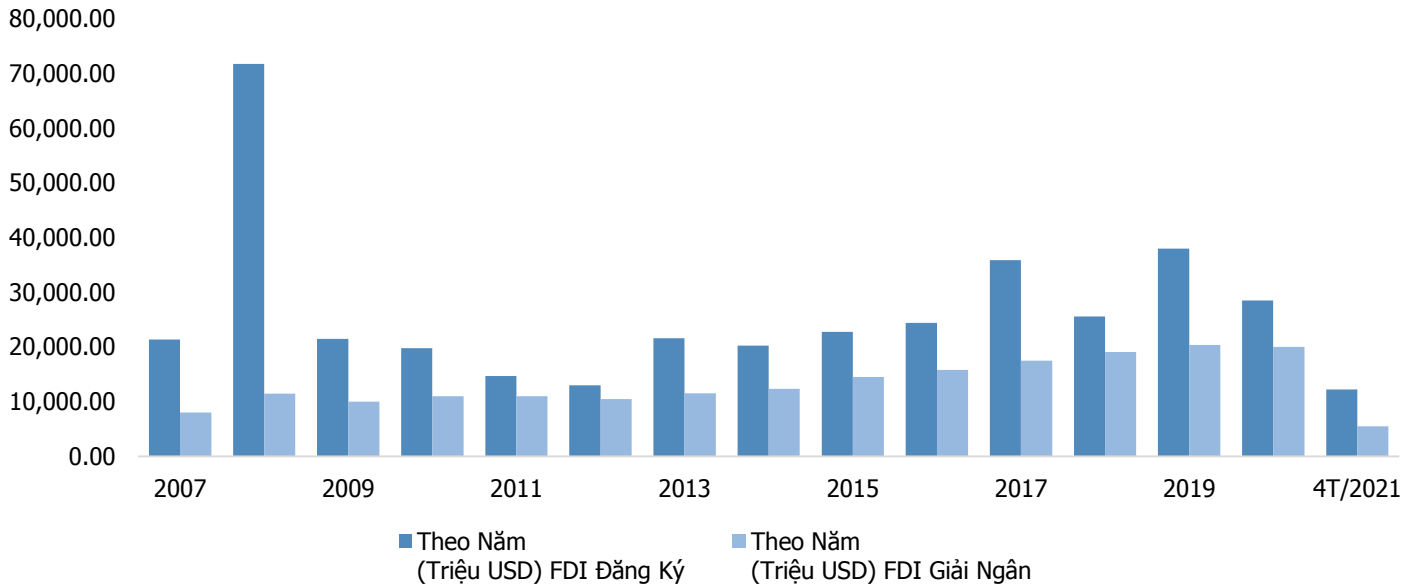


Cụ thể có 451 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 8,46 tỷ USD, giảm 54,2% về số dự án và tăng 24,7% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; có 263 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 2,75 tỷ USD, giảm 10,6%; có 1.151 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn 1,05 tỷ USD, giảm 57,8%.



Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 4 tháng đầu năm ước tính đạt 5,5 tỷ USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước.

FDI hàng năm



Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 4 tháng đầu năm có 18 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn đầu tư của phía Việt Nam là 142,8 triệu USD, gấp 2,7 lần so với cùng kỳ; có 9 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn tăng thêm đạt 403,2 triệu USD, gấp 25,5 lần so với cùng kỳ. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm) 4 tháng đạt 545,9 triệu USD, gấp 7,9 lần so với cùng kỳ.

9. Tình hình đăng ký doanh nghiệp.

Trong tháng 4/2021, cả nước có gần 14,9 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 179,9 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký 94,6 nghìn người, tăng 33,1% về số doanh nghiệp, tăng 59,1% về vốn đăng ký và tăng 30% về số lao động so với tháng 03/2021. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 12,1 tỷ đồng, tăng 19,6% so với tháng trước và tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, cả nước có gần 44,2 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 627,7 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 340,3 nghìn lao động, tăng 17,5% về số doanh nghiệp, tăng 41% về vốn đăng ký và tăng 7,8% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 4 tháng đạt 14,2 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính cả 792,9 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 14,9 nghìn doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 4 tháng đầu năm 2021 là 1.420,6 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, còn có gần 19,3 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 4 tháng đầu năm 2021 lên 63,4 nghìn doanh nghiệp, trung bình mỗi tháng có gần 15,9 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.



Cũng trong 4 tháng đầu năm nay, có 51,5 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 23,3% so với cùng kỳ năm 2020, bao gồm: hơn 28,3 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 24,9% so với cùng kỳ năm trước; 16,4 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 17,5%; 6,7 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 32,2%. Trung bình mỗi tháng có gần 12,9 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

10. Vận tải hành khách và hàng hóa.

Vận tải hành khách tháng 4/2021 ước tính đạt 294,5 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 4,9% so với tháng trước và luân chuyển 13,5 tỷ lượt khách.km, tăng 11,9%. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, vận tải hành khách đạt 1.263,6 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 0,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 giảm 27,5%) và luân chuyển 54,8 tỷ lượt khách.km, giảm 5,8% (cùng kỳ năm trước giảm 30,6%).

Vận tải hàng hóa tháng 4/2021 ước tính đạt 153,7 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 6,1% so với tháng trước và luân chuyển 30,3 tỷ tấn.km, tăng 5,2%. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, vận tải hàng hóa đạt 617,6 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 giảm 7,2%) và luân chuyển 116,9 tỷ tấn.km, tăng 12,1% (cùng kỳ năm trước giảm 7,8%).

11. Khách nước ngoài đến Việt Nam.

Khách quốc tế đến nước ta trong tháng 4/2021 ước tính đạt 19,5 nghìn lượt người, tăng 0,3% so với tháng trước và giảm 25,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 67,6 nghìn lượt người, giảm 98,2% so với cùng kỳ năm trước.



TỔNG KẾT NHỮNG TIÊU ĐIỂM ĐÁNG CHÚ Ý VỀ KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 04 NĂM 2021.

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, nhất là những diễn biến phức tạp và khó lường của dịch COVID-19, tình hình kinh tế-xã hội tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2021 tiếp tục phục hồi và đạt được những kết quả tích cực. Những số liệu về tình hình kinh tế 4 tháng năm 2021 tiếp tục khẳng định những thành quả của việc kiên định mục tiêu kép vừa phòng chống dịch bệnh vừa thúc đẩy phát triển kinh tế.

Kinh tế vĩ mô ổn định, chỉ số giá tiêu dùng 4 tháng tăng 0,89%, mức thấp nhất kể từ năm 2016; các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 4 tháng ước tăng 29,5% so với cùng kỳ năm trước; tiếp tục duy trì xuất siêu, đạt 1,29 tỷ USD.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 4 tăng 24,1%, tính chung 4 tháng, ước tăng 10% so với cùng kỳ năm 2020; trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 12,7%, cao hơn cùng kỳ năm trước, tăng 9,7%. Sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định.



LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI: csi.research@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Lê Văn Thành

Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: thanhlv@vncsi.com.vn

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu

Email: ngocdb@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lê Văn Thành

Chuyên viên phân tích

Email: thanhlv@vncsi.com.vn

Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Chuyên viên Tiếng Trung

Email: huongntq@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Đình Hồng Hà

Chuyên viên phân tích cao cấp

Email: thanhlv@vncsi.com.vn

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích

Email: duongvt@vncsi.com.vn

Nguyễn Phương Linh

Chuyên viên phân tích

Email: linhnp@vncsi.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng

Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại

MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của CSI, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CSI.

TRỤ SỞ CSI

Tầng 11 Tòa Nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099 Webiste: <https://www.vncsi.com.vn/>